

UBND PHƯỜNG AN HỘI
TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI

Biểu 03

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất, Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non
Năm học 2025-2026

1. Diện tích xây dựng trường

	Diện tích đất	Diện tích xây dựng sử dụng	Tổng số trẻ	Diện tích bình quân/trẻ	So sánh yêu cầu tối thiểu ¹
Điểm trụ sở chính ² Địa chỉ: 79C1, Khu phố 13, An Hội, tỉnh Vĩnh Long	1.339,1 m ²	978 m ²	204 trẻ	4,8 m ² /trẻ (Bình quân diện tích đất: 6,8 m ² /trẻ)	- Mật độ xây dựng vượt yêu cầu chiếm 22% /40% quy định - Diện tích sân vườn không yêu cầu, chiếm 22%/40% quy định - Diện tích bình quân/trẻ không đạt: 4,8m ² /trẻ)/quy định 12 m ² /trẻ
Điểm lẻ Địa chỉ:, Khu phố Bình Nghĩa, Sơn Đông tỉnh Vĩnh Long	484 m ²	242	34 trẻ	7,1 m ² /trẻ (Bình quân diện tích đất: 14,2 m ² /trẻ)	Không có giấy phép sử dụng đất

2. Số lượng, hạng mục công trình

Stt	Tiêu chuẩn theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT	Hiện trạng	Đánh giá rà soát
1	Khối phòng Hành chính Quản trị	Gồm: 01 phòng HT; 01 phòng PHT; 01 Văn phòng; 01 Nhân viên; 01 Phòng Bảo vệ. Các phòng đều được bố trí máy móc, thiết bị đúng quy định, tiêu chuẩn Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT	Đạt tiêu chuẩn theo quy định

¹ Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

² Quy mô công trình gồm 01 trệt, 02 lầu

		03 khu vệ sinh giáo viên; 01 khu để xe CBGVNV đảm bảo theo quy định. Riêng điểm lẻ khu để xe không có mái che (để xe phía sau dãy lớp học)	
2	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	- Bố trí 01 nhóm, lớp/ phòng học, với tổng số 9 phòng học. Trong đó: + Số phòng được bố trí đúng chuẩn theo quy định điểm a khoản Điều 6 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT gồm 06 phòng tại điểm trụ sở; + Số phòng chưa đúng chuẩn: 03 phòng không có khu vệ sinh riêng khép kín trong phòng - Bố trí 01 giáo dục thể chất, nghệ thuật (phòng đa năng) - Sân chơi riêng: 02 sân/2 điểm cơ sở, được bố trí thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định. Tuy nhiên 1 số đồ chơi ngoài trời đã cũ, hỏng đang rà soát bổ sung, thay thế	Chưa đạt tiêu chuẩn quy định
3	Khối phòng tổ chức ăn	Số nhà bếp hiện có: 01 bếp (không có kho bếp) tại điểm cơ sở chính. Riêng Điểm lẻ Địa chỉ: Khu phố Bình Nghĩa, Sơn Đông tỉnh Vĩnh Long) không có nhà bếp do hiện tại chưa tổ chức ăn bán trú,	Đạt chuẩn theo quy định
4	Khối phụ trợ	Gồm 01 phòng họp; 01 phòng Y tế; 01 nhà kho (điểm chính) Mỗi điểm trường có cổng, tường rào bao quanh khuôn viên trường, đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định Sân chơi ngoài trời: Cả 2 điểm trường đều có sân chơi ngoài trời độc lập, đảm bảo quy định;	Đạt chuẩn theo quy định
	Hạ tầng kỹ thuật	Đảm bảo đủ hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hạ tầng CNTT, liên lạc; hệ thống PCCC.	Đạt chuẩn theo quy định

Stt	Quy định theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT				Rà soát, đối chiếu CSVC ⁽³⁾
	Hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 1	Tiêu chuẩn mức độ 2	
1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em				
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em				
	Khu sinh hoạt chung (Tổng diện tích $\geq 26m^2$ đối với nhóm trẻ; và $\geq 36m^2$ đối với lớp mẫu giáo)	1,50m ² /trẻ em	1,50m ² /trẻ em	1,50m ² /trẻ em	Điểm chính: 06 khu sinh hoạt chung có diện tích 48 m ² /phòng Điểm lẻ (không tổ chức bán trú): 03 phòng học có diện tích 48 m ² /phòng (bình quân chung 1,5 m ² /trẻ)
	Khu ngủ (Tổng diện tích $\geq 18m^2$ đối với nhóm trẻ; và $\geq 30m^2$ đối với lớp mẫu giáo)	1,20m ² /trẻ em	1,20m ² /trẻ em	1,20m ² /trẻ em	Điểm chính: 06 khu ngủ có diện tích 28,8 m ² /phòng (bình quân 0,8 m ² /trẻ) ; Điểm lẻ không có tổ chức bán trú
	Khu vệ sinh (Tổng diện tích $\geq 12 m^2$)	0,40m ² /trẻ em	0,40m ² /trẻ em	0,40m ² /trẻ em	Điểm chính: 67,2 m ² ; Điểm lẻ 11,2 m ² Bình quân 0,33m ² /trẻ
	Hiên chơi, đón trẻ em (Chiều rộng thông thủy $\geq 2,1m$)	0,50m ² /trẻ em	0,50m ² /trẻ em	0,50m ² /trẻ em	Hiên chơi $\geq 2,2m$ Bình quân hiên chơi
	Kho nhóm, lớp	-	-	6m ² /kho	
	Phòng giáo viên/nhân viên	-	-	12m ² /phòng	Phòng giáo viên, nhân viên hiện có diện tích

(3) Tính bình quân được căn cứ trên số trẻ trên nhóm, lớp theo quy định Điều 15 Điều lệ trường Mầm non ban hành kèm theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT: - Nhóm trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi: 15 trẻ em; Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi: 20 trẻ em; Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi: 25 trẻ em; Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 25 trẻ em; Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 30 trẻ em; Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 35 trẻ em. Và quy mô số nhóm lớp của đơn gồm 09 nhóm lớp (điểm cơ sở 1: 01 lớp; điểm cơ sở 2: 01 nhóm trẻ, 03 lớp mẫu giáo; điểm cơ sở 3: 01 nhóm trẻ, 03 lớp mẫu giáo). Trên cơ sở rà soát để đối chiếu trường đạt chuẩn theo quy định.

					16m ²
1.2	Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật				
	Phòng giáo dục thể chất (Tổng diện tích $\geq 60m^2$)	2m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em	Trường hiện có 01 phòng đa năng, diện tích 72 m ²
	Phòng giáo dục nghệ thuật (Tổng diện tích $\geq 60m^2$)	2m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em	
	Phòng đa năng (Tổng diện tích $\geq 60m^2$)	2m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em	
1.3	Sân chơi riêng	1m ² /trẻ em	1m ² /trẻ em nhà trẻ; 2m ² /trẻ em MG	1m ² /trẻ em nhà trẻ; 2m ² /trẻ em MG	Sân điểm chính diện tích 120m ² ; sân chơi điểm lẻ: 67m ² . Các sân chơi riêng được bố trí theo tầng hoặc theo phòng học.
1.4	Phòng tin học	-	-	40m ² /phòng	Không có
2	Khối phòng tổ chức ăn				
2.1	Nhà bếp	0,30m ² /trẻ em	0,30 m ² /trẻ em	0,30m ² /trẻ em	Bếp điểm chính có diện tích 84,8 m ² (bình quân 0,41 m ² /trẻ).
2.2	Kho bếp	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực	Trường không có kho bếp
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1,20m ² /người	1,20m ² /người	1,20m ² /người	Phòng họp có diện tích 40 m ² (bình quân 1,2m ² /người)
3.2	Phòng Y tế	10m ² /phòng	10m ² /phòng	10m ² /phòng	Phòng Y tế có diện tích 15 m ²
3.3	Nhà kho	40m ² /kho	40m ² /kho	40m ² /kho	Phòng kho có diện tích 16 m ² (bố trí tại điểm chính)

3.4	Sân vườn	3m ² /trẻ em	3m ² /trẻ em	3m/trẻ em	Sân chơi được thiết kế theo sân vườn 02, diện tích 115,1 m ² (Sân điểm chính). Điểm lẻ diện tích 110,4 m ² Diện tích bình quân: 0,94 m ² /trẻ.
	Trong đó: sân vườn dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm	-	0,30m ² /trẻ em	0,30m ² /trẻ em	Sân vườn dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm 100 m ²

3. Trang thiết bị dạy học theo quy định của cấp học;

- Thiết bị dạy học được bố trí theo quy định Thông 02/2010/TT- BGDDT ngày 11/02/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đáp ứng cơ bản 85% so với yêu cầu quy định

- Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Đáp ứng cơ bản 90% so với yêu cầu quy định

4. Thông tin đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia

Stt	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
1	Thông tin đánh giá ngoài	Tháng 12/2018	
2	Kiểm định chất lượng giáo dục	Mức độ 1	
	Đạt chuẩn quốc gia	Chưa đạt chuẩn quốc gia	

Lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Hân

An Hội, ngày 27 tháng 6 năm 2026

KT-HIỆU TRƯỞNG
PHO-HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Kim Phương